

Nhìn Lại Cách Mạng Tháng Tám 1945

Phạm Thắng Vũ

Tháng Tám là tháng mùa Thu trong mùa mưa của nước Việt Nam (dù là miền Bắc, Trung hay Nam) và hàng năm đến tháng này thì hầu như người Việt ai ai cũng biết đến sự kiện Cách Mạng Tháng Tám (còn gọi là Cách Mạng Mùa Thu năm 1945) trong lịch sử cận đại. Cách Mạng Tháng Tám, với ngành Sử tại quê nhà hiện nay (do băng đảng Việt Cộng cai trị) định nghĩa như sau: Để chỉ việc phong trào Việt Minh tiến hành khởi nghĩa chống lại lực lượng quân đội của Đế quốc Nhật Bản, **BUỘC** Đế quốc Việt Nam (do vua Bảo Đại lãnh đạo) phải **BÀN GIAO** chính quyền trung ương và các địa phương và **BUỘC** vua Bảo Đại phải **THOÁI VỊ** trong tháng 8 năm 1945 để từ đó, dẫn đến sự kiện ngày 2 tháng 9, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đồng thời cũng chấm dứt hoàn toàn chế độ quân chủ chuyên chế đã tồn tại suốt 2000 năm trong lịch sử Việt Nam.

Điều này đúng hay sai, người viết bài này quay lại thời điểm cũ để xin được nhắc lại các sự kiện, các nhân vật lịch sử liên quan của thời cuộc năm đó cũng như các hệ lụy còn kéo dài đến tận ngày hôm nay.

Trước tiên phải nói về danh xưng Việt Minh trong bài viết là tên gọi tắt của tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội tức Cộng Sản Việt Nam. Kế tiếp là việc có mặt quân đội Nhật tại Việt Nam. Cuối tháng 9 năm 1940, nhằm mục đích cắt đứt một trong các tuyến đường viện trợ của Hoa Kỳ tại Việt Nam (từ cảng Hải Phòng, đường hoả xa Hải Phòng-Vân Nam) cho quân đội Trung Hoa do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo trong cuộc chiến tranh Trung-Nhật (1937-1945); từ thành phố Long Châu thuộc tỉnh Quảng Tây miền Nam Trung Hoa, quân đội Nhật tràn vào miền Bắc-Việt Nam và giao tranh với quân đội Pháp trú đóng tại Đồng Đăng-Lạng Sơn cùng các vùng dọc theo biên giới Việt-Hoa. Quân đội Nhật thắng quân đội Pháp dễ dàng và dần dần chiếm các địa điểm trọng yếu (sân bay, đường hoả xa...) cùng các thành phố ở các tỉnh trong vùng biên giới này. Thua trận trước quân đội Nhật, người Pháp buộc phải ký Hiệp ước Tokyo 1941 mà theo đó, phải để cho quân đội Nhật được sử dụng mọi phương tiện giao thông, kiểm soát hệ thống đường sắt, tàu biển tại các cảng ở Đông Dương (gồm 3 nước Việt-Miên-Lào) với trọng tải 200.000 tấn. Từ ngày ký hiệp ước này cho đến năm 1945 chính quyền Pháp phải nộp cho Nhật một số tiền là 723.786.000 đồng. Ngoài ra, Nhật

cũng yêu cầu Pháp phải nhượng 50% giá trị nhập cảng và 15% giá trị xuất cảng của Đông Dương cho các công ty thương mại của Nhật. Chính vì vậy, hầu hết các mặt hàng xuất cảng của Đông Dương trong hai năm 1942-1943 như gạo, than, kẽm, cao su, xi măng đều được xuất cảng sang Nhật. Tính đến năm 1941 các ngành khai thác khoáng sản chính ở Đông Dương như: măng-gan, sắt, photphát, quặng crôm... tư bản Nhật chiếm gần 50% số vốn đầu tư của các công ty nước ngoài. Thêm vào đó, về quân sự, Pháp phải có trách nhiệm hỗ trợ quân đội Nhật trong các trận chiến tại Á Châu. Đổi lại, về chính trị, Nhật để yên cho Pháp được tiếp tục việc quản lý (cai trị) Đông Dương trong hoà bình (tuy trong thực tế, Nhật dần dần từng bước làm giảm ảnh hưởng chính trị của Pháp và các phe nhóm thân Pháp).

Xin liệt kê các sự việc đã xảy ra theo từng năm như sau:

Năm 1941:

Vào ngày 7 tháng 12, hải quân Nhật (gồm 6 hàng không mẫu hạm, 2 thiết giáp hạm, 3 tuần dương hạm, 11 khu trục hạm, 3 tiềm thủy đỉnh cùng 423 máy bay hải quân) đã bất ngờ tấn công lực lượng hải quân Hoa Kỳ tại Trân Châu Cảng (Pearl Harbor) ở quần đảo Hawaii. Mục đích đầu tiên của cuộc tấn công là nhằm vô hiệu hóa hải quân Hoa Kỳ một thời gian đủ để Nhật có thể thiết lập cái gọi là Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á đã được họ trù tính từ lâu (thành lập ngày 1 tháng 8 năm 1940). Tiếp đó trong 3 tháng liền, quân đội Nhật tiến chiếm toàn vùng Đông Nam Á Châu, quét sạch hệ thống cai trị của Hoa Kỳ tại Phi Luật Tân; của Anh Quốc tại Singapore, Mã Lai Á, Miến Điện và của Hoà Lan tại Nam Dương...

Năm 1942:

Sau chiến thắng ở Trân Châu Cảng, bắt đầu từ đầu tháng 5 cho đến tháng 6, hải quân Nhật lần lượt thất trận trước hải quân Hoa Kỳ trong các trận hải chiến then chốt tại vùng biển Thái Bình Dương. Xin kể lần lượt như sau: Đầu tiên là trận hải chiến tại vùng biển San Hô (Coral Sea) diễn ra từ ngày 4 đến ngày 8 tháng 5. Trong trận hải chiến này, hải quân Nhật mất 1 hàng không mẫu hạm (Shoho) và 1 khu trục hạm, 69 máy bay. Trận thứ hai xảy ra ngay tháng kế là Midway (diễn ra từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 6) và hải quân Nhật bị đánh chìm 4 hàng không mẫu hạm (Kaga, Agaki, Soryu và Hiryu), 1 tuần dương hạm và mất 248 máy bay. Trận

hải chiến Midway này mở đầu cho các thất trận khác của hải quân Nhật không lâu sau đó là trận hải chiến thứ ba ở vùng biển Đông Solomon (diễn ra trong hai ngày 24-25 tháng 8), trận Guadalcanal và ở vùng biển quần đảo Santa Cruz (diễn ra ngày 26 tháng 10). Trong trận hải chiến này, hải quân Nhật bị chìm 1 hàng không mẫu hạm (Ryujo), 1 khu trục hạm, 1 tuần dương hạm và mất 75 máy bay. Kể từ đây, hải quân Nhật bắt đầu yếu thế trên mặt biển trước lực lượng hải quân Hoa Kỳ.

Năm 1944:

Ngày 19 tháng 6 trong năm này đã xảy ra trận hải chiến thứ tư giữa lực lượng hải quân Nhật và hải quân Hoa Kỳ tại vùng biển Phi Luật Tân và vùng quần đảo Mariana mà kết quả là sự đại bại của hải quân Nhật (chìm 3 hàng không mẫu hạm là Taiho, Shokaku và Hiyo, mất 475 máy bay trong trận đánh). Thua trận hải chiến, cùng với việc thất trận tại trận đảo Saipan trước đó đã khiến lực lượng hải quân Nhật gần như mất hết ưu thế trên các chiến trường tại các mặt trận thuộc vùng Thái Bình Dương trước quân đội Hoa Kỳ (Nhật không thể nào chạm trán với hải quân Hoa Kỳ được nữa vì con số chiến hạm quá chênh lệch, bên nhiều bên ít). Trận hải chiến cuối cùng giữa hai bên là trận chiến tại vịnh Leyte trong vùng biển Phi Luật Tân xảy ra mấy tháng sau đó (từ ngày 23 đến ngày 26 tháng 10). Lực lượng Hoa Kỳ tham dự trận đánh gồm 34 hàng không mẫu hạm lớn nhỏ, 12 thiết giáp hạm, 24 tuần dương hạm, 141 khu trục hạm cùng 1500 máy bay. Lực lượng hải quân Nhật gồm 4 hàng không mẫu hạm lớn nhỏ, 9 thiết giáp hạm, 20 tuần dương hạm, 35 khu trục hạm cùng 300 máy bay. Trong trận hải chiến này, lần đầu tiên máy bay Nhật (bao gồm máy bay trên hàng không mẫu hạm lẫn máy bay từ các phi trường trên mặt đất) đã thực hiện các cuộc tấn công tự sát (Kamikaze) một cách có tổ chức hãn hoi (các trận hải chiến trước cũng đã có nhưng chỉ lẻ tẻ). Dù anh dũng nhưng các phi công Kamikaze cũng khó hoàn thành sứ mạng Thần Phong của họ vì thiếu kinh nghiệm tác chiến (phi công tâm tuyền) và nhất là hỏa lực phòng không từ các chiến hạm hải quân Hoa Kỳ đã ngăn chặn kịp thời các vụ đâm máy bay tự sát (máy bay Kamikaze bị bắn tan trên không trước khi kịp đến được chiến hạm Mỹ). Sau trận hải chiến này, hải quân phát xít Nhật chỉ còn khoảng 10% tổng số máy bay đã có từ trước cùng 3 hàng không mẫu hạm còn lại (Zuikaku, Junyo, Chyoda). Nhật không đủ còn máy bay để bố trí trên các hàng không mẫu hạm nữa và họ chỉ còn các thiết giáp hạm, tuần dương hạm để đương đầu với hải quân Hoa Kỳ thôi. Cũng trong năm 1944, tại chiến trường Âu Châu, ngày 6 tháng 6 quân đội Đồng Minh (cầm đầu bởi Hoa Kỳ) đổ bộ thành công Normandie mở thêm một mặt trận thứ hai chống lại quân lực Đức Quốc Xã. Ta biết là trong thời Đệ Nhị Thế Chiến, ba nước Đức, Ý Đại Lợi và Nhật đã ký hiệp ước đồng minh quân sự và chính trị ở Berlin (ngày 27

tháng 9 năm 1940) mà lịch sử gọi là phe Trục. Hiệp ước này trước hết nhằm chống Liên Xô, nhưng còn chống cả Anh, Hoa Kỳ nữa. Hiệp ước đề ra việc phân chia thế giới mà theo đó: Đức, Ý sẽ chia nhau thống trị toàn châu Âu, Phi Châu và Nhật làm chủ vùng Thái Bình Dương cùng Viễn Đông...

Năm 1945:

Chính vì thua trận trong các hải chiến ở Thái Bình Dương thêm mất mát ở các mặt trận khác trong vùng Đông Nam Á như trận Saipan, quần đảo Mariana... cũng để rảnh tay đối phó với liên quân Hoa Kỳ-Anh Quốc sắp tiến vào Đông Dương nên Nhật tiến hành một cuộc tổng tiến công (chiến dịch Meigo) trong đêm ngày 9 tháng 3 và bắt nhốt hết các công chức, binh lính Pháp trên toàn cõi Đông Dương (ước tính khi đó phía Pháp có khoảng 38.000 người mà trong đó chỉ khoảng 7500 là người Pháp chính gốc và số còn lại là lính mộ tại các xứ thuộc địa bên Phi Châu). Thực ra tại Đông Dương khi đó, binh lực Pháp không phải là đối thủ của Nhật, một đội quân dày dạn trong lửa đạn. Lúc đầu khi vào được Đông Dương, người Nhật để yên cho Pháp toàn quyền về hành chính nhưng sau này vì biết Pháp (do đô đốc Jean, Decoux làm toàn quyền) cố tình gây trở ngại trong việc cung ứng lương thực cho quân đội Nhật, che dấu không trao cho phía Nhật các phi công Mỹ bị bắn rơi lại thêm cung cấp các tin tức cùng vị trí đồn trú (của phía Nhật) để phi cơ Hoa Kỳ oanh tạc... nên buộc lòng Nhật phải ra tay lật đổ Pháp. Ngày 9 tháng 3, lúc 7 giờ chiều tại Sài Gòn (ở dinh Norodom sau này là dinh Độc Lập), đại sứ Nhật là Matsumoto Shinichi đưa tối hậu thư cho toàn quyền Pháp Jean Decoux, hẹn trong vòng 2 tiếng đồng hồ phải trao quyền chỉ huy tất cả các lực lượng quân sự, an ninh của Pháp cho Nhật. Sau thời hạn ấn định ngắn ngủi, quân đội Nhật mở cuộc tấn công vào các vị trí đóng quân của Pháp trong toàn cõi Đông Dương. Trong vài ngày kế tiếp, hàng ngàn người Pháp đã bị lính Nhật giết chết và một số rất đông bị bắt làm tù binh.

Ngày hôm sau, 10 tháng 3 năm tại Huế, vua Bảo Đại tiếp kiến đại sứ Nhật Matsumoto Shinichi. Ông đại sứ Matsumoto cho vua Bảo Đại biết Nhật đã lật đổ Pháp rồi và nhân dịp này, trao trả độc lập cho 3 nước Việt-Miên-Lào (Đông Dương) để tự thiết lập một thể chế chính phủ mới (lấp vào chỗ trống hành chính của Pháp). Ông ta cũng mong có sự cộng tác của 3 nước Việt-Miên-Lào mật thiết với nước Nhật trong Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á. Nhân đây xin được nhắc sơ về thân thế của vua Bảo Đại. Vua Bảo Đại tên thật (trong giấy khai sinh) là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1913), là vị hoàng đế thứ 13 và là vị vua cuối cùng của triều đại nhà Nguyễn (1802-1945) tại Việt Nam.

Ngày 11 tháng 3, vua Bảo Đại cùng các toàn thể quan thượng thư trong nội các Nam triều ký bản Tuyên Ngôn Độc Lập đầu tiên cho nước Việt Nam sau 80 năm đô hộ của Pháp. Tuyên ngôn này được coi là Dự số 1 của vua Bảo Đại và cũng là công văn hành chính đầu tiên của hoàng đế nước Việt Nam. Trong đó có đoạn:

"... Chiếu tình hình thế giới nói chung và tình hình Á châu nói riêng, chính phủ Việt Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay, hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp được bãi bỏ, và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia... "

Điều này có nghĩa vua Bảo Đại đã huỷ bỏ Hoà ước Patennotre 1884 (còn gọi là Hoà ước Giáp Thân (gồm 19 điều) mà điều 1 trong đó quy định: Nước An Nam thừa nhận và chấp thuận nền bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ đại diện cho nước An Nam trên mọi quan hệ ngoại giao. Những người dân An Nam sống ở nước ngoài đều đặt dưới quyền bảo hộ của nước Pháp), khôi phục chủ quyền Việt Nam và thống nhất 3 kỳ (Nam-Trung-Bắc) làm một thực thể. Tất nhiên người Pháp không công nhận bản tuyên bố này vì không muốn mất một thuộc địa. Phe Cộng Sản Việt Nam cũng tẩy chay luôn khi cố tình mập mờ nói người Nhật dựng lại triều đình Huế. Tại sao ? Lý do, băng đảng Việt Cộng dành công khi nói chính các cuộc cướp chính quyền tại các địa phương cả nước trong tháng 8 năm 1945 mới dẫn đến ngày 2 tháng 9 năm 1945 tức là ngày Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập tại Ba Đình-Hà Nội, khai sinh thể chế cộng hoà đầu tiên của nước Việt Nam.

Sau tuyên bố độc lập, vua Bảo Đại uỷ cho học giả Trần Trọng Kim lập chính phủ gồm các bộ theo hình thức Tây phương (đứng đầu mỗi bộ là một vị phụ trách chuyên ngành bộ mình) và ngày 19 tháng 4 năm 1945 (có tài liệu nói ngày 17 tháng 4 nội các này ra mắt gồm:

- Thủ tướng (Tổng lý nội các) : Trần Trọng Kim
- Bộ trưởng Ngoại giao : Trần Văn Chương
- Bộ trưởng Nội Vụ : Trần Đình Nam

- Bộ trưởng Kinh tế : Hồ Tá Khanh
- Bộ trưởng Tài chính : Vũ Văn Hiến
- Bộ trưởng Tiếp tế : Nguyễn Hữu Thí
- Bộ trưởng Giáo dục-Mỹ Thuật : Hoàng Xuân Hãn
- Bộ trưởng Tư pháp : Trịnh Đình Thảo
- Bộ trưởng Thanh Niên : Phan Anh
- Bộ trưởng G. thông-C. chánh : Lưu Văn Lang
- Bộ trưởng Y tế-Cứu tế : Vũ Ngọc Anh
- Khâm sai Bắc bộ : Phan Kế Toại
- Khâm sai Nam bộ : Nguyễn Văn Sâm

Đây là chính phủ dân sự đầu tiên của nước Việt Nam mà thường được gọi là chính phủ Trần Trọng Kim. Chính phủ này lao ngay vào các việc: Giải quyết nạn đói ở miền Bắc (thường gọi là nạn đói năm Ất Dậu 1945) và đặt định những cơ sở đầu tiên cho một quốc gia vừa thu hồi độc lập như tổ chức chính quyền, luật pháp, y tế, giáo dục... Tại sao có nạn đói?. Ta biết nạn đói tại miền Bắc Việt Nam xảy ra từ tháng 10 năm 1944 đến tháng 5 năm 1945 đã làm chết khoảng 2 triệu người. Có nhiều nguyên nhân:

1. Pháp và Nhật cùng thu gom lúa gạo dự trữ để dùng cho riêng phe mình (Nhật nuôi lính tại chỗ và chuyển vận về tiếp tế cho chính quốc. Pháp tích trữ sẵn chờ cho phe Đồng Minh khi đổ bộ vào Đông Dương sẽ có ngay lương thực để dùng).
2. Máy bay phe Đồng Minh oanh tạc tàu thuyền, cầu cống, đường hoả xa... tại Việt Nam làm cản trở việc chuyển vận lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.
3. Thiên tai do hạn hán và côn trùng phá hoại hoa màu làm giảm 20% sản lượng thu hoạch trong thời kỳ đó.

Chính phủ Trần Trọng Kim ra lệnh bãi bỏ việc bắt buộc nông gia phải bán lúa gạo cho nhà nước và người dân được tự do mua bán lúa gạo, được chuyển vận gạo

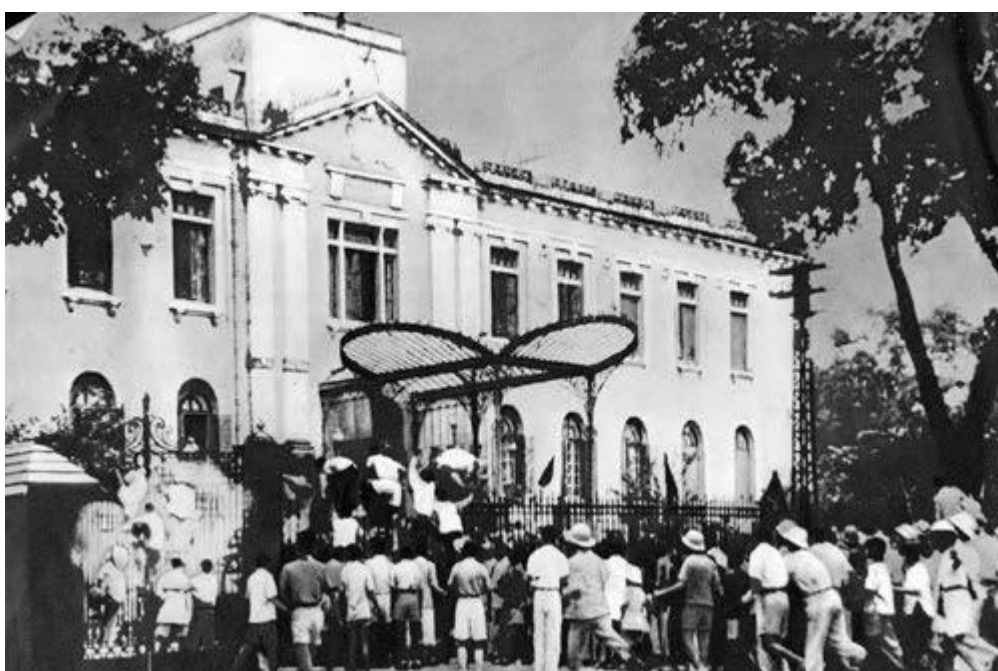
dưới 50kg mà không cần xin giấy phép như trước. Để có ngay gạo cứu đói cho dân chúng, chính phủ Trần Trọng Kim thay đổi cách chuyển vận gạo từ miền Nam ra miền Bắc bằng các đoàn thuyền buồm thuê của tư nhân (tránh máy bay phe Đồng Minh oanh tạc). Nhờ những biện pháp của chính phủ (cùng sự tiếp tay của đồng bào toàn quốc) mà nạn đói tại miền Bắc đã giảm hẳn đi.

Chính trong thời gian này thì Hoa Kỳ thả bom nguyên tử xuống 2 thành phố bên Nhật (Hiroshima ngày 6 tháng 8 và Nagasaki ngày 9 tháng 8) buộc vua Nhật là Hiro Hito phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện vào ngày 14 tháng 8. Khi biết được tin Nhật đầu hàng, tại Sài Gòn các hội đoàn (Cao Đài, Hoà Hảo, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Tịnh Độ cư sĩ, Phật giáo, Công chức, Thanh niên...) họp nhau thành lập Mặt Trận Quốc Gia Việt Nam Thống Nhất tuyên cáo ủng hộ chính phủ. Tại Hà Nội, ngày 17 tháng 8 Tổng Hội Công Chức tổ chức cuộc mít tinh (tại nhà hát lớn) để ủng hộ chính phủ. Tổng Hội Công Chức chính là lực lượng bao gồm thanh niên, sinh viên-học sinh và các đoàn thể dân chúng... đã tiếp tay cho chính phủ Trần Trọng Kim trong việc cứu đói vừa qua. Theo tinh thần của các cuộc mít tinh kể trên là tuy nước Nhật đầu hàng nhưng dân Việt Nam vẫn tiếp tục ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Tiếc thay cuộc mít tinh tại Hà Nội này đã bị cán bộ Việt Minh len lỏi được vào hàng ngũ người lãnh đạo, biến cuộc mít tinh thành cuộc tuần hành ủng hộ Việt Minh.

Tại Huế, ngày hôm sau 18 tháng 8 vua Bảo Đại nhờ Nhật trợ giúp kỹ thuật để gửi công hàm kêu gọi sự ủng hộ từ các quốc gia Trung Hoa, Anh Quốc và Hoa Kỳ cho sự độc lập của nước Việt Nam. Riêng với Pháp, bản công hàm kêu gọi Pháp đừng tái lập nền cai trị dưới bất cứ hình thức nào. Bản công hàm đã được đài phát thanh của Nhật ở Sài Gòn, Hà Nội và ở Tokyo công bố rộng rãi. Rất tiếc là các nước đồng minh được vua Bảo Đại kêu gọi trong bản công hàm lại hoàn toàn im lặng, không đáp trả.

Dân chúng Hà Nội tiếp tục tổ chức các buổi mít tinh tuần hành qua các đường phố, tỏ ý chí bảo vệ đất nước, chống lại mưu toan của Pháp muốn quay trở lại cai trị Việt Nam. Ngày 19 tháng 8, khi cuộc mít tinh xảy ra ở dinh Khâm sai Bắc bộ (dinh Thống Đốc Pháp cũ), viên quan khâm sai Phan Kế Toại đã lánh mặt và loan tin từ chức. Cán bộ Việt Minh (có vũ trang súng) đã len lỏi vào nhóm tổ chức rồi sau đó họ treo cờ Đỏ sao Vàng lên. Băng đảng Việt Cộng vẫn thường gọi ngày này là ngày cướp Chính Quyền. (Nên nhớ lúc đó quân đội Nhật vẫn còn canh gác trên nhiều đường phố ở Hà Nội). Thực sự là vì nguồn tin Nhật đầu hàng, dân chúng Hà Nội rủ nhau đi mít tinh tuần hành nhằm mục đích ủng hộ chính phủ

Trần Trọng Kim, tỏ ý chí sẵn sàng bảo vệ đất nước mà vô tình bị cán bộ Việt Minh lợi dụng. Với danh xưng Việt Minh khi đó, băng đảng Việt Cộng mập mờ với dân chúng Hà Nội là tổ chức này thuộc phe Đồng Minh, những quốc gia thắng trận đệ nhị thế chiến. Cán bộ Việt Minh (có thủ súng trong người) khi họ len lỏi vào hàng ngũ người lãnh đạo các cuộc biểu tình rồi dần dà lái việc ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim thành ủng hộ Việt Minh và hễ ai chống trả lại, bị chúng trấn áp nhanh chóng. Ngày hôm sau, đám người này lại toả ra các nơi trong Hà Nội, đi chiếm các cơ sở của chính phủ Trần Trọng Kim (bỏ không) và tiếp tục treo cờ Đỏ sao Vàng lên rồi bàn giao cho các thanh niên cư ngụ gần đó canh gác. Và cứ vậy, những thanh niên này vô tình trở thành người của Việt Minh.



Dinh Khâm sai Hà Nội

Ngày 21 tháng 8, một nhóm thanh niên trí thức nhóm họp tại đại học xá Hà Nội và gửi điện văn vào Huế yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị. Đại sứ Nhật ở Huế là Yokohama (ghé thăm vua Bảo Đại vào lúc chiều tối) thấy tình cảnh vua nao núng vì Pháp cùng các nước thuộc phe Đồng Minh không đáp ứng nguyện vọng độc lập của Việt Nam và nay lại nhận bức điện văn yêu cầu thoái vị này, ông ta đề nghị giúp vua Bảo Đại bằng cách bắt giam toàn bộ đảng viên Cộng Sản Việt Nam khi đó (theo lời kể của ông Phan Văn Vỹ, thị vệ của vua Bảo Đại, người có mặt trong buổi tối tiếp kiến với đại sứ Yokohama). Sách báo viết về việc này đã ước tính khoảng 5000 người nhưng sau này chính Hồ Chí Minh (nói miệng với Trần Đĩnh) cho biết họ chỉ có độ 500 mà thôi (Đền Cù 2 trang 376-Trần Đĩnh). Tuy thất trận trước Hoa Kỳ nhưng tại Việt Nam, quân đội Nhật vẫn còn nguyên vẹn nên

chuyện bắt giam khoảng 5000 người này là việc quá dễ dàng với họ. Vua Bảo Đại đã từ chối lời đề nghị của đại sứ Yokohama khi nói: " *Ta không muốn một quân đội nước ngoài làm đổ máu thần dân ta* " rồi sau đó vua chấp nhận thoái vị.

Băng đảng Việt Cộng rêu rao chính phủ Trần Trọng Kim do quân đội Nhật dựng nên sau cuộc hành quân Meigo của họ, do đó chính phủ này sẽ phải giải thể trước quân đội phe Đồng Minh sau khi nước Nhật đầu hàng. Băng đảng Việt Cộng viện dẫn Tuyên Bố Cairo, Tối Hậu Thư Potsdam khi gán hình ảnh nhà nước Đế Quốc Việt Nam (do chính phủ Trần Trọng Kim cai quản) tương tự như các chính phủ Mãn Châu Quốc, chính phủ Uông Tinh Vệ, chính phủ Mông Cương, chính phủ Đệ nhị Cộng Hoà Phi Luật Tân và cho là nếu chính phủ Trần Trọng Kim không chịu rút lui, vua Bảo Đại không chịu thoái vị thì rồi thực thể Đế Quốc Việt Nam sẽ không được phe Đồng Minh công nhận. Thực tế là quân đội Nhật sau khi lật đổ Pháp tại Đông Dương thì họ không hề tạo dựng ra nhà nước Đế Quốc Việt Nam mà chỉ trao trả sự độc lập cho vua Bảo Đại và chính vua Bảo Đại đã tuyên bố độc lập và thiết lập chính quyền mới. Đế Quốc Việt Nam đã có từ trước rồi và vua Bảo Đại vẫn đang là vua của Đế Quốc Việt Nam này. Nếu quân đội Nhật lập ra Đế quốc Việt Nam thì binh lực của họ đã bóp chết từ trong trứng các tiểu tổ đảng bộ Cộng Sản ở bất kỳ địa phương nào trong nước Việt.

Tại sao lời kêu gọi của vua Bảo Đại lại bị các quốc gia phe Đồng Minh tảng lờ? Nguyên trước khi Nhật đầu hàng, lãnh tụ các nước phe Đồng Minh đã gặp nhau ở Potsdam (1 thị trấn nhỏ ở ngoại ô Berlin-Đức Quốc) từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 năm 1945 để thảo luận chuyện tương lai cho các vùng thế giới. Với hiện trạng nước Việt Nam, các lãnh tụ phe Đồng Minh quyết định (cái gọi là Tối Hậu Thư Potsdam) quân đội Nhật sẽ bị giải giới bởi lực lượng Trung Hoa (lãnh đạo bởi Tưởng Giới Thạch) ở phía Bắc vĩ tuyến 16 và bởi quân đội Anh Quốc ở phía Nam vĩ tuyến 16. Trong Tối Hậu Thư Potsdam này, không có đề cập đến: ***Ai Sẽ Thực Sự Cai Trị Đông Dương?***. Sự thiếu sót này, người ta cho là sự thoả thuận ngầm giữa Hoa Kỳ và Anh Quốc muốn giao Đông Dương lại cho Pháp.

Trở lại việc cán bộ Việt Minh đã len lỏi vào hàng ngũ dân chúng trong các cuộc tuần hành biểu dương tinh thần ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim tại Hà Nội để biến thành cuộc biểu tình có lợi cho phe mình. Cán bộ Việt Minh này là số 100 người đã được một phân nhánh tình báo Hoa Kỳ OSS (Office of Strategic Services, hoạt động tại vùng biên giới Việt-Hoa để giải cứu tù binh phi công Mỹ

và chuẩn bị cho việc giải giới quân đội Nhật tại Việt Nam theo Tội Hậu Thư (Potsdam) huấn luyện tác chiến từ trước nên khi được người Mỹ báo tin Nhật đã đầu hàng, họ liền kéo nhau về Hà Nội (do Võ Nguyên Giáp chỉ huy) vào ngày 16 tháng 8 (tất nhiên có mang theo vũ khí cá nhân). Ở thị xã Hà Đông (ngoại thành Hà Nội) theo hồi ức của tướng Lê Trọng Tấn thì:

" Ngày 18 tháng 8 vẫn chưa thống nhất được phong trào thị xã. Lực lượng chủ yếu trong thị xã vẫn là thanh niên cứu quốc do một đồng chí thành uỷ viên Hà Nội phụ trách. Kế hoạch khởi nghĩa chưa cụ thể (trích từ quyển Từ Đồng Quan Đến Điện Biên, trang 22) "

Điều này chứng tỏ cho tới trước ngày 19 tháng 8 lực lượng Việt Minh tại Hà Nội và các vùng phụ cận chỉ chộn rộn do tin nước Nhật đầu hàng chứ họ cũng chưa có đường lối rõ rệt vì phần lớn cán bộ (có kinh nghiệm hành động) của họ lớp ở tù lớp thì đang ở Tân Trào để chờ khai mạc Đại Hội đảng toàn quốc bàn kế hoạch Tổng Khởi Nghĩa.

Ngày 23 tháng 8 tại Huế, một cán bộ Việt Minh gặp Phạm Khắc Hoè (thư ký của vua Bảo Đại) đưa một thư yêu cầu vua Bảo Đại thoái vị. Vua Bảo Đại họp cùng với Trần Trọng Kim (có mặt một số bộ trưởng còn lại) và đồng ý thoái vị. Cũng ngày này, nội các của chính phủ Trần Trọng Kim họp phiên họp cuối cùng rồi giải tán. Cho đến khi đó, tuy chỉ hoạt động trong thời gian ngắn nhưng chính phủ thủ tướng Trần Trọng Kim đã làm được các việc:

- Lập lại quốc hiệu Việt Nam.
- Dùng tiếng Việt làm Quốc ngữ và Việt hóa giáo dục (trước kia dạy học bằng tiếng Pháp).
- Lấy lại Nam bộ để thống nhất lãnh thổ.
- Soạn thảo Hiến pháp nhấn mạnh vào sự tự do và độc lập.
- Rút lui và trao quyền cho thế hệ cách mạng nhằm tránh đổ máu (không ngờ trong các thế hệ cách mạng này có mặt cả băng đảng Việt

Cộng).

Ngày 24 tháng 8, lễ thoái vị của vua Bảo Đại trước cửa Ngọ Môn quan ở Huế có sự chứng kiến của cán bộ Việt Minh là Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận (1945-1964 Việc Từng Ngày trang 12-Đoàn Thêm). Các sử gia băng đảng Việt Cộng viết lễ thoái vị xảy ra trong ngày 30 tháng 8. Hồi ký của Phạm Khắc Hoè cũng ghi là ngày 30 tháng 8 này (Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc trang 77-Phạm Khắc Hoè). Lý do tại sao băng đảng Việt Cộng sửa lại ngày lễ thoái vị này thì thực không rõ.

Ngày 2 tháng 9, Hồ Chí Minh ra mắt công chúng tại bãi Cột Cờ -Hà Nội, tuyên bố độc lập và hô các lời thề chống Pháp. Theo hồi ký của thiếu tá Archimedes Patti (1914-1998), người cầm đầu phái bộ OSS cho biết, ông có giúp Hồ Chí Minh soạn bài diễn văn này (vì vậy mới có đoạn trích dẫn Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ). Hồ Chí Minh công bố thành lập Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời nước Việt Nam mới (gồm đa số đảng viên Cộng Sản) gấp rút như vậy nhằm tạo ra **Tình Trạng Đã Rồi** trong thế chính quyền chuyển tiếp liên tục từ vua Bảo Đại qua chính phủ Trần Trọng Kim và nay là chính phủ Hồ Chí Minh. Một việc khiến các đảng phái quốc gia, dân chúng Việt Nam, nước Pháp và các nước khác trên thế giới không trở tay kịp.

Việc Hồ Chí Minh nhanh chóng thành lập chính phủ trong ngày 2 tháng 9 không phải từ ý nguyện của toàn thể dân chúng Việt Nam mà là sự toan tính riêng của Việt Minh. Vì cộng tác mật thiết với tổ chức OSS nên Việt Minh được các sĩ quan Hoa Kỳ thông báo tin tức thế giới hàng ngày (tình hình chiến sự, tin chính trị...) nên đã biết về Tội Hạng Thư Potsdam gửi cho Nhật ngày 26 tháng 7 này rồi. Do đó, Việt Minh lo ngại khi quân đội Trung Hoa (do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo) tràn vào Việt Nam (miền Bắc) thì các đảng phái quốc gia của người Việt (ở bên nước Tàu) sẽ nhân đó trở về nước (thực tế đã xảy ra như vậy). Ở miền Nam, nếu quân đội Anh đổ bộ thì người Pháp thế nào cũng đi theo. Lúc đó thì cán bộ Việt Minh chỉ có khoảng 5000 người thôi nên họ sợ sẽ khó nắm được ưu thế chính trị với các đảng phái khác vừa được hậu thuẫn của dân chúng, vừa của quân đội Trung Hoa vừa của Pháp. Đó là đối nội, đối ngoại thì Việt Minh sợ quân đội Trung Hoa và quân đội Anh-Pháp sẽ hợp tác với các lãnh tụ chính trị trong nước tái lập lại chế độ quân chủ hoặc một chế độ nửa quân chủ nửa dân chủ và đó là lý do Hồ Chí Minh phải nhanh chóng thành lập chính phủ ngay. Thành lập chính phủ rồi, chính Hồ Chí Minh đã mời vua Bảo Đại nhận chức vụ Cố Vấn Tối Cao Chính

Phủ Lâm Thời Việt Nam nhằm mục đích vô hiệu hoá hoạt động của vua Bảo Đại cùng đề mà mắt người dân thấy trong chế độ mới (do băng đảng Việt Cộng thao túng) có cả vua Bảo Đại tham gia lãnh đạo. Băng đảng Việt Cộng còn dấu biến cái lý lịch Cộng Sản bằng cách tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương (ngày 11 tháng 11), biến nó thành hội Nghiên cứu Mác Xít và sau cùng, đã tìm mọi cách để bắt giết các chính khách đối lập, các trí thức không phục tùng chúng từ khắp mọi miền trong nước Việt Nam. Thủ tiêu các chính khách đối lập, các trí thức không phục tùng, băng đảng Việt Cộng muốn các đảng phái khác tại Việt Nam sẽ không còn lãnh tụ để chống lại chúng nữa (quân đội Trung Hoa và quân đội Pháp không thể tìm người ra Việt để liên kết hoạt động).

Cố Vấn Tối Cao Vĩnh Thụy (vua Bảo Đại) và Hồ Chí Minh.

Đó là sự kiện, còn sau đây là người. Trước hết xin kể về vua Bảo Đại. Ông được theo học (từ 1922 đến 1932) và thành đạt tại Paris, thủ đô nước Pháp mà thời kỳ đó trào lưu tư tưởng chính trị tại đây đang hướng tới cách mạng vô sản của Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ. Nhiều nước trên thế giới đã, đang dẹp bỏ hình ảnh ông vua để thành lập chế độ Cộng Hoà. Khi trưởng thành, vua Bảo Đại chắc cũng biết điều đó nên khi bị Việt Minh yêu cầu thoái vị, ông đã thoái vị. Nhiều người cũng đã viết về sự kiện này bảo nếu năm 1945 vua Bảo Đại không chịu thoái vị thì cũng sẽ bị người dân hạ bệ và rồi triều đình nhà Nguyễn cũng phải chấm dứt (Thực ra thì người Pháp đã chấm dứt triều đình nhà Nguyễn từ lâu rồi với Hiệp ước Patennotre 1884). Trào lưu chính trị trên toàn thế giới sau đệ nhị thế chiến cho thấy chế độ quân chủ không có lý do để tiếp tục tồn tại đối với các nước dành lại độc lập từ tay thực dân như Phi Luật Tân, Ấn Độ, Miến Điện, Mã Lai Á, Nam Dương, Việt Nam... Các cây bút của băng đảng Việt Cộng thường tả vua Bảo Đại chỉ chăm chú vào gái đẹp, nhẩy đầm và đánh bạc hoặc nghe kể về ông là người hào hoa, lịch lãm và sành điệu, thích săn bắn, lái xe hơi, đánh golf, chơi quần vợt...

*Cái gì ông cũng biết nhưng cái cần ông phải biết là **Làm Vua** thì lại không biết. Nhà Nguyễn mất ngôi tại nước Việt Nam, một phần trách nhiệm do nơi ông.*

Cá nhân vua Bảo Đại thì nói:

" Người Pháp lúc nào cũng muốn tôi ngồi yên một chỗ, không cho thân mật với dân nên trong hai mươi năm trời làm vua tôi ra Bắc một lần, vào Nam kỳ một lần, cũng là đi lướt qua, không thấy rõ ràng một điều gì. Xung quanh tôi họ đặt toàn những người mật thám. Tôi rất buồn biết mình không thể làm chi có ích cho đất nước ".

Vua Bảo Đại dường như chưa bao giờ nghĩ đến việc đi tìm độc lập bằng con đường ném mật nấp gai như các vua Hàm Nghi, Duy Tân trước ông hoặc có thể chịu đựng được những cảnh trốn chạy, đói khát (để khôi phục cơ nghiệp của dòng tộc) như vua Nguyễn Thế Tổ-Gia Long (1762-1820). Có người bảo ông hiền lành đến độ nhu nhược khi dẫn ra việc từ chối lời đề nghị của đại sứ Yokohama trong việc bắt giam toàn bộ đảng viên Cộng Sản trong đêm 21 tháng 8 năm 1945, một cơ hội bằng vàng. Khi biết các thủ đoạn của Hồ Chí Minh chỉ muốn lợi dụng tên tuổi của ông cho sự nghiệp của băng đảng Việt Cộng cũng như ở giai đoạn lịch sử về sau (các năm 1954-1955) lúc mà Hoa Kỳ chính thức yểm trợ Ngô Đình Diệm lật đổ quyền làm chủ đất nước của triều đình nhà Nguyễn. Soát qua các thời kỳ cùng xem trong hồi ký của ông cho ta thấy: vua Bảo Đại không thiết tha với việc dành lại quyền lực và cũng không oán trách Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm. Tóm lại, là con người của lịch sử nhưng ông lại nương theo từng chiều hướng (giai đoạn) lịch sử để sống. Cách thức của ông chọn lựa cuối cùng đã dẫn đến kết cục: *Bản thân ông bị thời thế quét đi như quét một hạt bụi vô giá trị.*

Về nhân vật Hồ Chí Minh. Với nhân vật này, đã có quá nhiều huyền thoại do băng đảng Việt Cộng dựng nên để đánh bóng tên tuổi từ tiểu sử của người cha đẻ, việc ra đi tìm đường cứu nước, cuộc sống độc thân giản dị, đoàn kết dân tộc, giải phóng đất nước, nhà tư tưởng, danh nhân văn hoá... nên không bàn đến nữa mà chỉ tóm gọn: Từ khi giữ chức vụ chủ tịch nước sau ngày 2 tháng 9 năm 1945 cho đến khi chết (ngày 2 tháng 9 năm 1969), Hồ Chí Minh luôn tỏ lộ cá nhân của một con người mộc mạc, giản dị như một cụ già miền quê trước các biến động chính trị. Về bề ngoài này đã giúp ông thu phục được cảm tình của các nhân vật quốc tế, các chính trị gia và các nhà báo. Với bất cứ ai và trong bất kỳ khi nào, ông cũng đều tỏ ra chân tình cởi mở. Nhiều người nói về ánh mắt của ông khiến làm người đối diện có cảm giác an tâm, ưu ái (khi được ông tiếp chuyện). Với dân chúng, ông tỏ lộ vẻ ân cần với người già và từ ái với trẻ em nên mọi người cảm thấy ông thật gần gũi, hiền lành, dễ cảm thông. Nhiều người nhận xét: **Đây Là**

Con Người Thật Của Ông Mà Ông Muốn Hướng Tới nhưng không thể được. Nhìn lại những giai đoạn của cuộc đời ông rõ là một người tàn ác, gian xảo, bội bạc và không hề có sự hối hận, nhân hậu. Ông vẫn thường viện dẫn nhiều điều nhân lễ trong các sách thánh hiền (bên Tàu) nhưng lại không hề là một quân tử.

Ít người biết trong dịp 2 tháng 9 năm 1945 chính Đặng Xuân Khu (Trường Chinh sau này) đã phong cho Hồ Chí Minh chức vụ chủ tịch nước (Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Nước Việt Nam mới). Xin kể như sau: Ngày 23 tháng 8 năm 1945, khi biết tin vua Bảo Đại chấp thuận thoái vị thì băng đảng Việt Cộng (khi đó do Đặng Xuân Khu giữ chức quyền Tổng Bí Thư đảng) đều bất ngờ vì họ còn chưa nghĩ đến việc ra làm minh chủ cho toàn quốc (đang họp Đại Hội Đảng ở Tân Trào để bàn chuyện Tổng Khởi Nghĩa). Tại Hà Nội khi đó diễn ra tình hình dân biểu tình tuần hành khắp các phố phường và dù cờ Đỏ sao Vàng đã thấy treo ở nhiều nơi nhưng người thực sự (tạm thời) làm chủ chính là thiếu tá Archimedes Patti, đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ, đang có mặt tại Hà Nội (trong khách sạn Métropol) chờ xem việc giải giới quân đội Nhật. Đặng Xuân Khu cùng một số đồng chí liền trở về Hà Nội và khi gặp mặt được thiếu tá Archimedes Patti thì thấy bên cạnh là thiếu tá Jean Sainteny, đại diện của phe De Gaulle. Điều này có nghĩa Hoa Kỳ có thể chấp thuận cho Pháp quay trở lại Đông Dương. Sau đó, gặp riêng thiếu tá Archimedes Patti thì biết tin nếu chính phủ Hoa Kỳ chủ trương buộc Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam thì băng đảng Việt Cộng cần phải hừng lầy ngay và như vậy họ phải có cái gọi là chính phủ. Danh sách nội các được băng đảng Việt Cộng thảo ra cấp tốc nhưng chưa biết ai trong đám sẽ là chủ tịch? Duyệt đi xét lại mãi, thấy chỉ có Hồ Chí Minh hội đủ tiêu chuẩn vì: Hồ Chí Minh là người của tướng Tiều Văn đưa về nước (tháng 9 năm 1943), là công tác viên mật thiết với tổ chức OSS Hoa Kỳ (bí danh Lucius), từng cứu một phi công Mỹ, có quen biết với tướng Chennault Clair, tư lệnh không đoàn 14 Mỹ tại Vân Nam (Hồ Chí Minh có giữ 1 tấm ảnh+chữ ký đề tặng của viên tướng này) và nhất là Hồ Chí Minh lớn tuổi nhất trong đám. Đó là lý do mà Đặng Xuân Khu chọn Hồ Chí Minh cho chức vụ chủ tịch dù khi đó Hồ Chí Minh đang ở Tân Trào và sau buổi lễ tuyên bố Tổng Khởi Nghĩa mới kéo nhau về Hà Nội (ở làng Gạ, ngày 25 tháng 8) thì mới biết mình được chức vụ chủ tịch Chánh Phủ Cách mạng Lâm Thời nước Việt Nam mới. Lúc đầu thì Hồ Chí Minh từ chối. Hồi ký của Hoàng Tùng, một lãnh tụ băng đảng Việt Cộng kể:

" Sau này anh Thọ nói với tôi rằng khi đề nghị bác làm chủ tịch nước, bác từ chối mãi. Bác nói: mình là chủ tịch nước à, mình chỉ đứng đằng sau thôi, còn tìm người

khác làm, bác còn nói nếu tìm khó quá thì đưa Bảo Đại ra làm rồi mình thu xếp".

Qua đó ta thấy chuyện làm chủ tịch nước thật bất ngờ đối với Hồ Chí Minh. Ngày nay, xem lại hành trình lưu lạc xứ người của Hồ Chí Minh thì ta thấy khả năng ông, nhất là trình độ học vấn, rất hạn chế. Ông chỉ có bằng Tiểu học rồi khi ra nước ngoài, chỉ làm các công việc như bồi tào, phụ bếp, thợ ảnh... Với các công việc này, Hồ Chí Minh không có điều kiện tiếp xúc hay làm quen với các tư tưởng cùng lẽ thói chính trị. Ông bất ngờ là phải vì biết khi phải diễn thuyết liên tục trong cả tiếng đồng hồ (nếu có) sẽ lòi ra hết. Tiếng Pháp của Hồ Chí Minh cũng do tự học mà có thì tất nhiên không thể lưu loát, văn mạch rõ ràng được (xem lại các clip video cũ về ông). Ngay cả tiếng Việt ông cũng đã quên nhiều (bỏ ra nước ngoài sống cả 34 năm rồi) nên trình độ tiếng Việt của ông đã đứng lại so với phát triển tiếng Việt trong thời kỳ đó (do công của hội Trí Tri, phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Báo chí và Tự Lực Văn Đoàn...) mà bằng chứng, cứ xem lại các đoạn viết bằng tiếng Việt của ông. Vậy mà Hồ Chí Minh làm chủ tịch nước được, mọi việc diễn tiến sau đó vẫn trôi. Có lẽ vì điều này mà về sau, băng đảng Việt Cộng lấy đó làm gương khi chọn người chỉ cần tiêu chuẩn lý lịch là chính còn trình độ thì có cũng được mà không có thì cũng chẳng sao.

Trước kia khi nước Việt nam còn trong vòng cai trị của nước Pháp, tuy tách biệt làm 3 miền Nam-Trung-Bắc (do người Pháp bày ra nhằm phân chia vùng miền để người Việt mất tinh đoàn kết) nhưng người Việt dù sống ở miền nào cũng đều coi nhau là anh em trong nhà và đối tượng để đề phòng, để coi là kẻ thù chỉ có một duy nhất là người Pháp, chủ nhân ông của đất nước. Từ khi băng đảng Việt Cộng cầm quyền mới có việc phân chia người Việt giữa người Việt. Phân chia ở đây là trong xã hội hình thành 2 giai cấp đối chọi nhau. Một bên là chính quyền và bên kia là toàn thể dân chúng trong cả nước. Xem lại lịch sử cận đại ta thấy, lúc mới bắt đầu hoạt động thì băng đảng Việt Cộng chưa hề hé lộ chủ trương đấu tranh giai cấp, chia rẽ dân chúng mà còn kêu gọi mọi tầng lớp trong dân chúng cùng nhau đoàn kết chống ngoại xâm. Khi dành được chính quyền rồi hay ở các vùng do họ chiếm giữ (hoặc ở địa phương hoạt động ngầm) thì công khai tiêu diệt những người bất đồng chính kiến, gây hận thù-chia rẽ giữa tầng lớp này với tầng lớp khác theo lý thuyết Mác xít. Cải cách ruộng đất ở miền Bắc (1953-1956) đã phá vỡ tình làng nghĩa xóm, anh em, bà con ruột thịt trong họ hàng đã gây biết bao oan khuất (với các nạn nhân) cùng oán thù (với các cán bộ băng đảng Việt Cộng) không thể nào quên trong tâm trí người dân. Tại miền Nam, sau ngày 30-5-1975 băng đảng Việt Cộng đã lừa (hay bắt công khai) gần như tất cả các sĩ quan-viên chức chế độ VNCH đi tù lao động khổ sai ở các vùng xa xôi hiểm trở (ở

các tỉnh địa đầu miền Bắc). Bách khoa tự điển về chiến tranh Việt Nam (Encyclopedia of the Vietnam War) ước lượng băng đảng Việt Cộng bỏ tù trên 1 triệu người thuộc chế độ VNCH tại 150 trại giam. Người bị tù ít nhất là gần 3 năm và người bị tù lâu nhất trên 17 năm. Có người bị chết trong thời gian giam giữ mà con số chính xác vẫn không được biết (ước lượng trên 50.000 người). Cách đối xử này còn ác độc hơn so với cách đối xử của nước Pháp đối với người Việt. Ngày nay, sau 72 năm kể từ ngày 2 tháng 9 năm 1945, tình cảnh hai giai cấp: bị trị (toàn thể dân chúng) và thống trị (băng đảng Việt Cộng) hiện hữu tại Việt Nam càng lúc càng thêm trầm trọng. Dân chúng dù sống đúng theo hiến pháp-pháp luật nhưng vẫn có thể bị tai vạ bất ngờ không đoán trước được (như thiên tai) mà chẳng được ai bảo vệ. Còn băng đảng Việt Cộng (cán bộ nhà nước cùng gia đình) lại công khai vi phạm hiến pháp-pháp luật mà họ vẫn nhởn nhơ an toàn.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 khai sinh ra nhà nước của băng đảng Việt Cộng để từ ngày đấy dần theo thời gian, nguy cơ mất nước về tay Tàu Cộng càng lúc càng rõ. Từ những khoản nợ chiến phí khi băng đảng Việt Cộng ngửa tay xin nhận trợ giúp từ Tàu Cộng trong chiến tranh với Pháp (1945-1954) rồi việc xâm lăng miền Nam VNCH (1954-1975) cho đến trận chiến biên giới Việt-Trung (1979) và sau cùng là sự kiện sụp đổ Liên Xô-Đông Âu (1989) đã gấn nước Việt Nam phải dính chặt vào Tàu Cộng mà việc dính chặt này đã khiến Việt Nam phải cắt mất nhiều km lãnh thổ ở vùng biên giới Việt-Trung, trên vùng biển Đông (con số chính xác không được công bố) để trả nợ. Tàu Cộng đâu có giúp không cho băng đảng Việt Cộng.

Đây là các hệ lụy phát sinh do sự có mặt của băng đảng Việt Cộng tại nước Việt Nam trong cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám và rồi trong tương lai sẽ còn thêm nhiều hệ lụy mới nữa. Chắc chắn như vậy nếu băng đảng Việt Cộng vẫn còn tiếp tục cai trị nước Việt Nam./.

Phạm Thắng Vũ

August 06, 2017.

<https://nhavanphamthangvu.wordpress.com/2017/08/13/nhin-lai-cach-mang-thang-tam-1945/>

www.vietnamvanhien.net

